

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 6 - 2018

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua.
2. Ông Nguyễn Đông Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp A, xã V7, huyện V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/11/2016 và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh H thành hôn năm 2008 có tổ chức lễ cưới, đến ngày 03/6/2009 bà và ông Nguyễn Minh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trung, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 02/11/2008 hiện đang sống với bà T, nay bà yêu cầu được nuôi con không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Minh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện; bản tự khai; giấy chứng nhận kết hôn; bản photo giấy chứng minh nhân dân; bản photo sổ hộ khẩu; bản photo giấy khai sinh; thông báo nộp tiền tạm ứng án phí; biên lai thu tạm ứng án phí; thông báo thụ lý vụ án; biên bản xác minh; biên bản lấy lời khai; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản tổng đạt; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản không tiến hành hòa giải được; quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký là đúng theo quy định. Bà T chấp hành tốt pháp luật, ông Nguyễn Minh H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Minh H

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Bích T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 02/11/2008.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và giành quyền kháng cáo cho ông theo luật định.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Minh H đăng ký kết hôn vào năm 2009 đến năm 2017 phát sinh tranh chấp, nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Minh H thành hôn năm 2008 và đăng ký kết hôn vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, tại thời điểm đăng ký kết hôn bà T và ông H có đủ điều kiện kết hôn (Theo Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014), nên hôn nhân được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 02/11/2008, cháu Mỹ D cũng có nguyện vọng được sống chung với bà T nên Hội đồng xét xử giao cháu Mỹ D cho bà T nuôi dưỡng, ông H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 5, 28, 35, 147, 228, 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 08, 09, 51, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Minh H. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79 ngày 03/6/2009 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 02/11/2008. Ông H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho ông H, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy theo biên lai thu tiền số 0015669, ngày 17 tháng 01 năm 2018 thành tiền án phí. Bà T đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hậu Giang;
- Viện kiểm sát huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA DS huyện Vị Thủy;
- UBND xã V7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyền Nguyễn Đông Hà

Nguyễn Đình Tiến

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hậu Giang;
- Viện kiểm sát huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA DS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vị Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Tiến